TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày 30/11/2018
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Trọng Kỳ.

2. Ông Phan Vĩnh Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST-DS ngày 25/7/2018 về việc " Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Q đã trình bày:

Do mối quan hệ gần gũi, thân thiết giữa hai bên gia đình nên bà Huỳnh Thị Kim A chủ doanh nghiệp P ở xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã nhiều lần nhờ bà Q vay tiền để trang trải trong công việc kinh doanh. Thời gian trước đây bà Kim A đã trả tiền cho bà Q rất sòng phẳng nhưng từ cuối năm 2014 bà Kim A không trả tiền cho bà Q như thỏa thuận. Số tiền bà Kim A nợ bà Q cụ thể như sau: ngày

26/8/2014 bà Q có vay dùm cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và ngày 05/9/2014 vay dùm hai khoản là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tổng cộng là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Ngày 20/9/2014 bà Kim A đã trả cho bà Q 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và ngày 27/9/2014 bà Kim A đã trả thêm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn nợ lại 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay hai bên ghi sổ sách, bà Kim A ký nhận số tiền đã mượn. Thời gian đã lâu nhưng bà Kim A chỉ hứa hẹn chứ không trả cho bà Q số tiền còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Bà Q có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà Kim A vẫn chưa trả số tiền trên, thời gian sau này bà Kim A còn thách thức bà Q đi kiện. Vì vậy bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Kim A phải trả cho bà Q số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Bà Q chỉ cho bà Kim A mượn tiền chứ ông Ngọc A chồng bà Kim A không có liên quan gì trong vụ án này nên bà Q chỉ yêu cầu một mình bà Kim A có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/10/2018 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 giấy ghi nội dung mượn tiền do bà Huỳnh Thị Kim A viết (bản gốc); 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Q (bản photo có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản photo chứng thực); 01 giấy ghi nội dung mượn tiền do bà Huỳnh Thị Kim A viết (bản pho to); 01 (một) Bản tự khai ngày 25/7/2018 của bà Trần Thị Q. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: 01 biên bản xác minh ngày 11/10/2018; 01 biên bản lấy lời khai của đương sự.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị Kim A phải trả cho bà Trần Thị Q số tiền còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Kim A trả toàn bộ khoản nợ đã vay của bà Q. Vì bà Huỳnh Thị Kim A có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn .

2. Xét về nội dung vụ án:

Qua lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện: Ngày 26/8/2014 bà Huỳnh Thị Kim A có vay của bà Trần Thị Q số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng); Ngày 05/9/2014 bà Q tiếp tục cho bà Kim A vay 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng). Tổng cộng 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Bà Kim A đã trả cho bà Q 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), còn nợ lại 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu). Số tiền bà Kim A đã trả cho bà Q đã được bà Q ghi rõ sau giấy nợ.

Xét việc vay mượn tiền giữa bà Trần Thị Q và bà Huỳnh Thị Kim A là hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà Anh đã không thực hiện như đã thỏa thuận, nên bà Q có đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc bà A phải trả số tiền nợ vay theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị Kim A phải trả cho bà Trần Thị Q số tiền còn nợ từ hợp đồng vay tài sản.

Việc vay tiền chỉ có bà Trần Thị Q và bà Huỳnh Thị Kim A giao dịch với nhau, chồng bà A không liên quan việc vay mượn này nên không xem xét nghĩa vụ trả nợ đối với chồng bà Huỳnh Thị Kim A.

Về tiền lãi: Trong giấy mượn tiền các bên không đề cập đến lãi suất và tại phiên tòa nguyên đơn cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: Bà Huỳnh Thị Kim A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trong các hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn là bà Trần Thị Q yêu cầu phía bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ một lần là có cơ sở nên cần chấp nhận.

3. Xét về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị Kim A phải trả cho bà Trần Thị Q số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Q số tiền tạm ứng án phí là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004291 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2018). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi họ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Yến Ngọc